

## HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DƯỢC LIỆU TẠI TÂY NGUYÊN

Ninh Thị Phip<sup>1\*</sup>, Nguyễn Bá Hoạt<sup>2</sup>, Trần Đức Viên<sup>1</sup>, Nguyễn Đức Huy<sup>1</sup>, Trần Văn Quang<sup>1</sup>,  
Bùi Thế Khuynh<sup>1</sup>, Vũ Quỳnh Hoa<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Thanh Hải<sup>1</sup>, Bùi Ngọc Tấn<sup>1</sup>,  
Vũ Thanh Hải<sup>1</sup>, Nguyễn Đức Khánh<sup>1</sup>, Lê Huỳnh Thanh Phương<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Học viện Nông nghiệp Việt Nam

<sup>2</sup>Trung tâm chuyên gia, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: [nphip@vnua.edu.vn](mailto:nphip@vnua.edu.vn)

Ngày nhận bài: 27.02.2019

Ngày chấp nhận đăng: 03.09.2019

### TÓM TẮT

Cây dược liệu tại Tây nguyên đang bắt đầu được đưa vào trồng trọt. Để phát triển nguồn dược liệu theo hướng hàng hóa, điều tra đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp là nhiệm vụ quan trọng. Nghiên cứu sử dụng công cụ thu thập số liệu thứ cấp, phỏng vấn người dân, phương pháp chuyên gia. Mỗi tỉnh điều tra 2 huyện, mỗi huyện điều tra hai xã, kết hợp với khảo sát thực địa. Kết quả điều tra chỉ ra để phát triển dược liệu bền vững cần có những nghiên cứu về giống, qui hoạch vùng trồng, kỹ thuật canh tác phù hợp, qui trình sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm hàng hóa; có chính sách khuyến khích nông dân, doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị dược liệu. Phát triển các cây dược liệu bản địa của Tây Nguyên như Sâm Ngọc linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thoms), Ngũ vị tử (*Schisandra sphenanthera* Redh & Wils) và Giảo cổ lam (*Gynostemma pentaphyllum* Thunb. Makino). Bên cạnh đó, nên phát triển các vùng trồng các loại cây dược liệu ôn đới như Actiso (*Cynara scolymus* L.) đương quy Nhật Bản (*Angelica acutiloba* Kitagawa)... Đồng thời mở rộng diện tích các cây thích ứng với trồng xen như Nghệ (*Curcuma longa* L.), Gừng (*Zingiber officinale* Rosc). Ở vùng đất giữa Tây Nguyên nên phát triển các cây có giá trị hàng hóa như Trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium* L.), Hương nhu (*Ocimum gratissimum* L.); Quan tâm thử nghiệm các cây dược liệu khác như Đinh lăng (*Polyscias fruticosa* Harms), Sachi inchi (*Plukenetia volubilis* L.).

Từ khóa: Cây thuốc, thực trạng, giải pháp, Tây Nguyên.

### Current Status and Solutions for Development of Medicinal Plants in the Central Highlands

#### ABSTRACT

Medicinal plants are starting to be cultivated in the Central Highlands. In order to develop value chains of medicinal plants in the Central Highlands, it is necessary to investigate and assess the current situation. The PRA, key person interview and expert methods were used to collect data. Two districts in each province and 2 communes in each district were surveyed. The results showed that in order to develop medicinal herbs in a sustainable manner, it is necessary to conduct researches on varieties, planting area planning, appropriate farming techniques, preprocessing, processing and preservation of commodity products and adopt policies to encourage farmers and enterprises to join the medicinal value chain. The indigenous medicinal plants that can be developed in the Central Highlands include Vietnamese Ginseng (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv), Dang sam (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thoms), Ngu vi tu (*Schisandra sphenanthera*) and Giao co lam (*Gynostemma pentaphyllum*). In addition, it is recommended to establish areas for the temperate medicinal herbs such as artichoke (*Cynara scolymus* L.) and (*Angelica acutiloba* Kitagawa), at the same time, expanding the area for intercropping like turmeric (*Curcuma longa* L.) and Ginger (*Zingiber officinale* Rosc). In the central area of the Central Highlands, it is necessary to develop valuable commodity crops such as *Crinum latifolium* L. and *Ocimum gratissimum* L. and testing new medicinal plants such as *Polyscias fruticosa* Harms) and *Plukenetia volubilis* L.

Keywords: Central highlands, medicinal plants, status, development solutions, Vietnam.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với hệ sinh thái phong phú, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng lớn về việc nuôi dưỡng và phát triển cây dược liệu. Theo số liệu thống kê mới nhất của Viện Dược liệu (2017), Việt Nam có tới 5.117 loài cây làm thuốc. Trong số đó hiện đã có khoảng 40/54 loài cây dược liệu được ưu tiên đưa vào trồng trọt với diện tích lớn (QĐ 205/QĐ-BYT, 2015).

Tuy nhiên, hiện nay, cây dược liệu gây trồng ở Việt Nam nhìn chung còn hạn chế, phát triển một cách tự phát mất cân đối, chưa có sự nghiên cứu, đầu tư phát triển đúng mức, chưa xứng với tiềm năng của dược liệu Việt. Trong khi đó, nhu cầu trong nước cũng như quốc tế về dược liệu có nguồn gốc từ thảo dược để điều trị bệnh, làm thuốc bổ tăng cường sức khỏe là rất cao và liên tục tăng.

Tây Nguyên với khí hậu ôn hoà, đa dạng về tiểu vùng khí hậu, đất bazan màu mỡ, hệ sinh thái đa dạng, nguồn lao động dồi dào, là vùng đất giàu tiềm năng để phát triển nông nghiệp nói chung và cây dược liệu nói riêng. Xác định được tiềm năng đó, ngày 30 tháng 10 năm 2013, Chính phủ đã ra Quyết định số 1976/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Quyết định đã chỉ rõ việc quy hoạch Tây Nguyên thành 1 trong 8 vùng trồng dược liệu của cả nước, phát triển trồng 10 loài dược liệu bản địa bao gồm: Gấc (*Momordica cochinchinensis* (Lour.) Spreng), gừng (*Zingiber officinale* Rose), Hương nhu trắng (*Ocimum gratissimum* L.), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thoms), Nghệ vàng (*Curcuma longa* L.), Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T. L. Wu), Sả (*Cymbopogon* spp.), Sâm Ngọc linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv.), Trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium* L.), Ý dĩ (*Coix lacryma-jobi* L.) với diện tích trồng khoảng 2.000 ha. Ưu tiên trồng các loài cây thuốc bản địa có giá trị như Đẳng sâm, Sâm Ngọc linh,...

Mấy năm gần đây, các tỉnh Tây Nguyên đã bắt đầu chú ý đến trồng cây dược liệu theo

hướng sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, để phát triển dược liệu tại Tây Nguyên mang lại giá trị kinh tế cao rất cần có một điều tra, đánh giá tổng thể và đề xuất các giải pháp đồng bộ. Nghiên cứu này được thực hiện góp phần thúc đẩy phát triển dược liệu tại Tây Nguyên theo chuỗi giá trị hàng hóa, ổn định, trên cơ sở phát huy các lợi thế của vùng.

## 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Mỗi tỉnh điều tra 2 huyện, mỗi huyện điều tra 2 xã, mỗi xã điều tra 2 thôn, điều tra doanh nghiệp của các tỉnh trực tiếp làm về dược liệu, tổng số phiếu điều tra là 30 phiếu/địa điểm điều tra.

Thu thập số liệu thứ cấp về điều kiện tự nhiên, số liệu thống kê về tình hình sản xuất dược liệu tại Sở NN & PTNN, tại Phòng Nông nghiệp huyện và các xã điều tra của các tỉnh Đắk Lắk, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng và Đắk Nông.

Phương pháp phỏng vấn: Tiến hành phỏng vấn trực tiếp, thông qua lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật các cấp tỉnh, huyện, xã; những người cung cấp thông tin chủ chốt gồm: người dân, đại lý thu mua dược liệu, doanh nghiệp về dược ở địa phương. Thu thập thông tin và số liệu cần thiết như: hiệu quả trồng cây dược liệu; tiềm năng phát triển cây dược liệu; nhu cầu và khả năng cung cấp giống cây dược liệu tại địa phương; hoạt động thu hái và sơ chế; thị trường tiêu thụ sản phẩm dược liệu; tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội ảnh hưởng tiêu cực tới công tác trồng và phát triển dược liệu.

Các chỉ tiêu điều tra: Diện tích, năng suất, sản lượng, quy trình kỹ thuật đang áp dụng, tình hình thu hoạch, sơ chế, chế biến và tiêu thụ dược liệu tại các tỉnh.

Phương pháp xác định diện tích quy hoạch cho từng loại dược liệu chủ lực dựa trên kết quả nghiên cứu mang tính kế thừa từ các báo cáo liên quan tới cây dược liệu tại Tây Nguyên, văn bản pháp quy và chính sách hỗ trợ phát triển dược liệu của vùng; Dựa trên kết quả dự án về

trồng dược liệu tại Tây Nguyên và kết quả điều tra thực địa.

Dựa trên kiến thức chuyên gia về quy hoạch phát triển dược liệu; các cơ sở khoa học và thực tiễn, kết hợp với ý kiến tham gia của các nhà khoa học, nhà quản lý để đề xuất giải pháp phát triển dược liệu.

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu: số liệu được xử lý phân tích giá trị trung bình, giá trị thấp nhất, giá trị cao nhất bằng phần mềm Excel.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Điều kiện tự nhiên và thực trạng cây dược liệu trồng tại Tây Nguyên

Theo kết quả nghiên cứu của Hoàng Đức Hùng (2014), vùng Tây Nguyên, là một chuỗi cao nguyên liên kê phía Nam Việt Nam bao gồm 5 tỉnh, xếp theo thứ tự vị trí địa lý từ bắc xuống nam gồm Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Đó là các cao nguyên Kon Tum cao khoảng 500 m, cao nguyên Kon - Plông, cao nguyên Kon - Hà - Nùng, Pleiku cao khoảng 800 m, cao nguyên Ma Đrăk cao khoảng

500 m, cao nguyên Buôn Mê Thuột cao khoảng 500 m, cao nguyên Mơ Nông cao khoảng 800-1.000 m, cao nguyên Lâm Viên cao khoảng 1.500 m và cao nguyên Di Linh cao khoảng 900-1.000 m. Tất cả các cao nguyên này đều được bao bọc về phía đông bởi những dãy núi và khối núi cao (chính là Trường Sơn Nam). Bên cạnh đó, nếu coi ranh giới mùa mưa  $R \geq 100$  mm/tháng, thì mùa mưa khu vực Tây Nguyên kéo dài phổ biến khoảng 6 tháng bắt đầu từ khoảng tháng 5-10 hàng năm; thời gian còn lại từ tháng 11-4 năm sau là mùa khô. Thời gian mưa lớn tập trung chủ yếu trong tháng 7-9, tháng 8 có lượng mưa lớn nhất.

Với đặc điểm thổ nhưỡng đất đỏ bazan, chủ yếu ở độ cao khoảng 500-600 m so với mặt biển, bên cạnh đó, còn có một số vùng có độ cao đến 2.000 m với khí hậu đặc trưng á nhiệt đới, Tây Nguyên rất phù hợp với tất cả các loại cây trồng sản xuất theo hướng hàng hoá.

Tây Nguyên là vùng có tiềm năng về cây dược liệu, do khí hậu ôn hoà và các tiểu vùng khí hậu đa dạng nên có thể thích hợp với khá nhiều loại cây dược liệu khác nhau.

**Bảng 1. Phân vùng khí hậu tại Tây Nguyên**

Vùng	Tiểu vùng khí hậu	Chỉ tiêu cấp vùng nhiệt độ và lượng mưa	Trạm đặc trưng	Đặc điểm
I. (Vùng núi cao Bắc Tây Nguyên), cao nguyên Kon - Plông, cao nguyên Kon - Hà - Nùng và phần lớn diện tích cao nguyên Pleiku		Độ cao 750 m trở lên đến 2.000 m <8.000°C; >18.000 mm	Pleiku	Nhiệt đới núi cao (á nhiệt đới) đủ ẩm
II. (Vùng khí hậu giữa Tây Nguyên), chiếm phần lớn diện tích Tây Nguyên. Bao gồm vùng trũng lòng hồ Yaly, toàn bộ chuỗi liên tiếp cao nguyên Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông, phía Tây cao nguyên Đà Lạt	2.1	Độ cao địa hình phần lớn <750 m và xen kẽ một ít khu vực núi cao >750 m; 8.000-9.000°C; 1.600-2.200 mm	Đắk Tô, Kon Tum	Nhiệt đới, đủ ẩm, hạn ít
	2.2	8.000-9.500°C; 1.300-1.600 mm	An Khê, Ayun Pa	Nhiệt đới, thiếu ẩm, hạn nhiều
	2.3	8.000-9.000°C; 1.600-1.800 mm	Buôn Hồ	Nhiệt đới, đủ ẩm, hạn vừa
	2.4	8000-9000°C; 1800-2200 mm	Ma Đrăk, Buôn Mê Thuột	Nhiệt đới, đủ ẩm (hạn vừa)
	2.5	8.000-9.000°C; 2.000-2.800 mm	Đăk nông	Nhiệt đới, đủ ẩm, hạn ít
III. Vùng khí hậu phía Đông Nam Tây Nguyên		Độ cao 750 m trở lên đến 2.000 m; <8.000°C; <2.000 mm	Bảo Lộc, Đà Lạt, Liên Khương	Nhiệt đới núi cao (á nhiệt đới), hạn ít

*Nguồn: Hoàng Đức Hùng, 2014.*

Tại vùng cao ở Kon Tum như xung quanh núi Ngọc Linh (Đăk Gleih; Tu Mơ Rông) và ở huyện Kon Plông, hoặc vùng Lâm Đồng, Liên Khương, nơi có nền nhiệt độ tương đối ôn hòa, độ cao so với mặt biển tương đối lớn có thể trồng được nhiều loại cây thuốc có nguồn gốc ôn đới hoặc mang lại giá trị kinh tế cao như Ba kích (*Morinda officinalis* How), Đương quy Nhật Bản (*Angelica acutiloba* Kitagawa), Sâm Ngọc linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv).

Tại các vùng đất màu mỡ khác ở Tây nguyên, nơi có độ cao thấp hơn, có thể bố trí trồng các cây thuốc nhiệt đới quen thuộc như: Đinh lăng (*Polyscias fruticosa* (L.) Harm), Nghệ vàng (*Curcuma longa* L.)... Những cây dược liệu này, hiện đang được đánh giá có giá trị kinh tế cao.

Diện tích trồng dược liệu lớn nhất ở vùng Tây Nguyên là trồng cây nghệ vàng. Tây Nguyên khá phù hợp với cây nghệ, cho năng suất cao 25 tấn/ha. Trước đây, diện tích trồng nghệ vàng khá lớn lên tới 10.000 ha, tuy nhiên trong những năm gần đây diện tích nghệ vàng giảm đáng kể, một trong những nguyên nhân là do thị trường không ổn định, giá cả bấp bênh. Số liệu bảng 2 chỉ ra, năm 2018, diện tích trồng nghệ chỉ còn 5.000 ha.

Tây Nguyên có nhiều loại dược liệu bản địa,

đặc hữu, có giá trị kinh tế cao như Sâm Ngọc linh, đẳng sâm, ngũ vị tử hiện đang được quan tâm phát triển. Trong đó, đặc biệt phải kể đến là Sâm Ngọc linh rất thích hợp với vùng núi cao của Kon tum (Tu Mơ Rông). Theo số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp Kon tum, năm 2018, diện tích Sâm Ngọc linh là 320 ha, với năng suất đạt khoảng 0,6 tấn/ha, giá bán là 30 triệu đồng/kg, tổng thu có thể đạt ít nhất là 18 tỷ đồng (Bảng 2).

Tại Tây Nguyên, hiện đang có một số Công ty trên địa bàn triển khai phát triển như Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar), công ty CP Nicotex Đăk Lăk chuyên phát triển các loại dược liệu actiso, đẳng sâm, đương quy Nhật Bản, độc hoạt, vân mộc hương và nhiều loại dược liệu khác. Tại Kon Tum là thủ phủ của Sâm Ngọc linh với diện tích trồng lên tới 320 ha chủ yếu tập trung tại huyện Tu Mơ Rông, Đăk Gleih do các công ty lớn như công ty TNHH MTV Lâm trường Đăk Tô, Công ty cổ phần Sâm Ngọc linh Kon Tum, Công ty Dược liệu Thái Hoà... Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia và kết quả điều tra đánh giá thực địa cho thấy đa số các cây dược liệu chưa phát triển thành vùng hàng hoá lớn, diện tích còn ít như Ngũ vị tử tại Kon tum hiện có 5 ha trồng xen trong rừng bởi công ty TNHH Thái Hoà (Viện Dược liệu, 2019).

**Bảng 2. Diện tích năng suất một số loại dược liệu đang trồng chính tại 5 tỉnh Tây Nguyên**

STT	Danh mục dược liệu	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Giá bán (đồng/kg)	Tổng thu (đ/ha)	Vùng trồng
I	Cây bản địa					
1	Sâm Ngọc linh	320	0,6	30.000.000	18.000.000.000	Kon Tum
2	Đẳng sâm Việt Nam	50	1,2	450.000	540.000.000	Kon Tum, Lâm Đồng, Đăk Lăk
3	Gác	100	10,0	20.000	200.000.000	Đăk Lăk, Đăk Nông
4	Nghệ vàng	5000	25,0	5.000	125.000.000	Đăk Lăk, Gia Lai, Đăk Nông
5	Ba kích	30	2,0	300.000	600.000.000	Kon Tum, Lâm Đồng
6	Ngũ vị tử	5	2,5	450.000	1.125.000.000	Kon Tum
7	Đinh lăng	20	Mới trồng	-	-	Gia Lai, Đăk Lăk, Kon Tum, Lâm Đồng
II	Cây nhập nội					
8	Đương quy Nhật Bản	50	5,0	120.000	600.000.000	Kon Tum, Lâm Đồng, Đăk Lăk
9	Actiso	350	80 - 100	5000	400.000.000 - 500.000.000	Lâm đồng

**Bảng 3. Thực trạng về công tác giống, trồng, thu hái, sơ chế biến và tiêu thụ dược liệu tại Tây Nguyên**

STT	Loại cây	Giống	Hình thức trồng	Nhân giống	Phân bón	Sơ chế biến	Sản phẩm	Thị trường tiêu thụ
I	Cây bản địa							
1	Sâm Ngọc Linh	100% sử dụng giống tự chọn lọc	Trồng xen dưới tán rừng	Hữu tính	90% bón mùn núi, rất ít hệ bón NPK	Bán tươi, hồng sâm, chiết xuất	Bán tươi và ngâm rượu, làm viên ngâm	Trong nước và xuất khẩu
2	Đẳng sâm	Mua của công ty Thái Hoà, công ty Ladofarm	Trồng xen dưới tán rừng	Hữu tính và giảm hom	Chăm sóc theo quy trình của Viện Dược liệu	Sấy khô	Sấy khô, sử dụng trong y học cổ truyền, làm nước giải khát	Trong nước và xuất khẩu
3	Gấc	100% tự mua giống gấc lai đen	Trồng thuần, trồng xen	Giảm hom, hữu tính	Bón theo kinh nghiệm	Chiết xuất	Tinh dầu gấc	Trong nước và xuất khẩu
4	Nghệ vàng	100% Tự để giống	30% trồng xen dưới vườn cây công nghiệp	Củ giống	Bón 1.000 kg NPK/ha	Tươi, sấy khô, làm tinh bột nghệ	Bán tươi, bột nghệ, tinh bột nghệ, curcumin	Trong nước và xuất khẩu
5	Ba kích	100% tự mua trên thị trường	Trồng xen dưới tán rừng	Giảm hom, Hữu tính	Bón phân theo cây trồng chính	Bán tươi, sấy khô	Bán tươi, ngâm rượu, thuốc y học cổ truyền	Trong nước
6	Ngũ Vị tử	100% mua công ty dược Thái Hoà	Trồng xen dưới tán rừng	Giảm hom, hữu tính	Theo quy trình của Viện Dược liệu	Sấy khô	Bán tươi, ngâm rượu, thuốc y học cổ truyền	Trong nước và xuất khẩu
7	Đình lăng	100% tự mua trên thị trường	Trồng xen trong vườn cây công nghiệp	Giảm hom	Bón phân theo cây trồng chính	Sấy khô	Bán tươi, làm thuốc hoạt huyết	Trong nước và xuất khẩu
II	Cây nhập nội							
8	Đương quy Nhật Bản	Mua của Viện Dược liệu, công ty Traphaco, tự để giống	Trồng thuần	Hữu tính	Chăm sóc theo quy trình của Viện Dược liệu	Sấy khô	Bán tươi, sấy khô sử dụng trong y học cổ truyền	Trong nước
9	Actiso	Giống của công ty CP Dược Lâm Đồng	Trồng thuần	Hữu tính	Chăm sóc theo quy trình của Công ty	Dùng tươi, nấu cao	Bán tươi, làm thuốc bổ gan	Trong nước

### 3.2. Những hạn chế về phát triển trồng cây dược liệu tại Tây Nguyên

- Hạn chế về kỹ thuật: Các dịch vụ vật tư nông nghiệp, khuyến nông hướng dẫn người dân trồng dược liệu còn chưa phát triển. Công tác giống dược liệu chưa được quan tâm, chưa có nơi cung cấp giống chuyên nghiệp. Những năm gần đây, do thị trường cây công nghiệp và cây ăn quả có nhiều biến động, người dân chuyển sang tìm kiếm các loại cây có tiềm năng hơn để trồng xen trong vườn cây công nghiệp (cao su, cà phê). Một số loại cây được lựa chọn như đình lăng, nghệ vàng, người dân tự phát đi mua giống về trồng. Dược liệu đang được coi là cây trồng phụ nên việc đầu tư chăm sóc chưa được quan tâm. Một số cây do các công ty trồng từ những dự án nông thôn miền núi (đương quy Nhật Bản do

công ty CP Nicotex Đắk Lắk; Giảo cổ Lam Kon Tum...) hoặc các nhiệm vụ thuộc chương trình Quỹ gen của Bộ Khoa học và Công nghệ như “Khai thác và phát triển nguồn gen ngũ vị tử tại Ngọc Linh tạo nguyên liệu làm thuốc” do Viện Dược liệu chủ trì phối hợp với Công ty Dược Thái Hoà. Các cây còn lại việc bón phân, cắt, tỉa, chăm sóc đều theo quy trình cây trồng chính (Bảng 3). Bên cạnh đó, quy hoạch và định hướng phát triển dược liệu của vùng chưa được thực thi nên tất cả còn mang tính tự phát, kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với nhận định của tác giả Phan Văn Tân (2013) khi nghiên cứu tuyển chọn và phát triển cây dược liệu bản địa có giá trị cao tại vùng đông nam tỉnh Gia Lai.

- Chính sách hỗ trợ: Hiện nay trên địa bàn Tây Nguyên, hoạt động hỗ trợ phát triển dược liệu mới đang bắt đầu. Theo kết quả điều tra

cho thấy các dự án phát triển cây dược liệu tại các tỉnh Tây Nguyên đã bắt đầu hình thành. Cụ thể, Kon Tum hiện có 12 dự án phát triển dược liệu, nhiều nhất trong các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên, tiếp đến là Lâm Đồng với 8 dự án thấp nhất là Đắk Nông và Đắk Lắk hiện có khoảng 5 dự án. Các dự án này chủ yếu giao cho doanh nghiệp hoặc các cơ quan nghiên cứu đóng trên địa bàn. Việc phát triển diện tích trồng dược liệu trong các hộ nông dân còn hạn chế. Đa số các dự án này thuộc cấp tỉnh và cấp nhà nước, một số dự án do doanh nghiệp tư nhân tự đầu tư.

- Quản lý chất lượng: Theo kết quả điều tra thực địa và đánh giá của người dân cho thấy các cây dược liệu trồng tại Tây Nguyên đều sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cao hơn hẳn so với các vùng trồng dược liệu khác, ít sâu bệnh hại như đương quy Nhật Bản, đẳng sâm, ngũ vị tử, đinh lăng. Tuy nhiên công tác đánh giá chất lượng và xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng dược liệu chưa được quan tâm. Tại Tây nguyên, chỉ có cây Sâm Ngọc linh hiện đang được xây dựng chỉ dẫn địa lý và thương hiệu hàng hoá.

- Tiêu thụ sản phẩm: Chuỗi liên kết giá trị phát triển dược liệu còn hạn chế. Một số công ty được hình thành tại các vùng trồng, tuy nhiên do chưa xác định rõ sản phẩm tạo ra, thị trường chưa ổn định nên nhiều dược liệu trồng không tiêu thụ được như nghệ, gừng (tại Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Lắk). Sản phẩm tạo ra từ dược liệu còn hạn chế, chủ yếu mới chỉ là sản phẩm thô, bước đầu qua sơ chế biến như sấy khô hoặc sử dụng trong y học cổ truyền, điều đó ảnh hưởng đến đầu ra của dược liệu, thị trường chưa được ổn định và mở rộng.

### **3.3. Phân tích yếu tố cản trở, thúc đẩy phát triển dược liệu tại Tây Nguyên**

#### **3.3.1. Tiềm năng**

Tây Nguyên có điều kiện tự nhiên về khí hậu ôn hoà, đa dạng với các tiểu vùng sinh thái (5 tiểu vùng sinh thái), thổ nhưỡng, tiềm năng đất đai thích hợp cho việc phát triển đa dạng các loại cây trồng có giá trị kinh tế, giá trị hàng hóa cao nói chung và cây dược liệu, đặc biệt là các loại cây dược liệu bản địa (Sâm Ngọc linh, đẳng

sâm, ngũ vị tử...) và các loại dược liệu nhập nội có nguồn gốc ôn đới.

Người dân có truyền thống canh tác lâu đời, cơ bản đã nắm vững dược kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch các loại cây trồng, đã tiếp cận với hướng sản xuất hàng hóa. Cơ sở hạ tầng, đường xá ở cấp huyện về cơ bản đã được nâng cấp đáp ứng được nhu cầu đi lại và thông thương kinh tế của người dân.

Sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm dược liệu bước đầu thực hiện theo chuỗi, hình thành các doanh nghiệp, HTX sản xuất kinh doanh về nông nghiệp. Các doanh nghiệp phát triển về dược liệu cũng đã và đang bắt đầu hình thành tại một số vùng trọng điểm trồng dược liệu như Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kon Tum.

#### **3.3.2. Yếu tố hạn chế**

- Tổ chức quản lý về phát triển dược liệu còn nhiều bất cập. Trồng trọt dược liệu chưa được thực hiện theo đúng quy hoạch, phát triển mang tính tự phát. Giá dược liệu không phụ thuộc vào chất lượng hay loại dược liệu. Việc trồng trọt, thu hái chỉ quan tâm đến khối lượng, chưa quan tâm đến chất lượng và hiệu quả kinh tế của dược liệu.

- Chưa quan tâm đúng mức đến việc nghiên cứu cứu thổ nhưỡng, kỹ thuật nuôi trồng để việc bảo tồn, phát triển và sản xuất dược liệu có hiệu suất cao. Việc trồng dược liệu trong dân còn mang tính tự phát, việc trồng xen nghệ, đinh lăng trong các vườn cây công nghiệp chưa được quy hoạch và phát triển.

- Chưa đầu tư đúng mức cho nghiên cứu chọn lọc giống, kỹ thuật sản xuất giống, tiêu chuẩn chất lượng giống cây dược liệu phù hợp cho khu vực Tây Nguyên. Các vùng trồng dược liệu đang sử dụng giống nguyên thủy, giống tự sản xuất, tự chọn lọc không được đánh giá tiêu chuẩn hóa. Đây là hạn chế cần được khắc phục sớm cho phát triển dược liệu bền vững của khu vực Tây Nguyên.

- Chưa đầu tư xây dựng tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu có tại địa phương, chưa hoàn thiện quy trình về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thời điểm thu hái, bộ phận sử dụng, công

nghệ chế biến, công dụng chính cho mỗi loại cây dược liệu.

- Chưa đầu tư nghiên cứu dạng thương phẩm thích hợp cho từng dược liệu, do đó thị trường dược liệu còn nhiều biến động, chưa ổn định. Chưa có cơ chế và giải pháp đảm bảo đầu ra ổn định cho nguồn dược liệu.

- Chưa xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ và phù hợp để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư và địa phương nhằm đẩy mạnh, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực bảo tồn, nuôi trồng, sơ chế, chế biến, bảo quản và sản xuất thành phẩm từ dược liệu.

- Cơ giới hoá trong sản xuất dược liệu còn chưa được quan tâm, hiện nay, tỷ lệ cơ giới hoá trong sản xuất dược liệu là 30%, chưa chú trọng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và chế biến dược liệu.

- Về thời tiết khí hậu: Hạn hán, thiếu nước đặc biệt trong mùa khô, mặc dù không xảy ra trên diện rộng. Theo tổng hợp của tác giả Trần trọng Hòa & cs. (2014) về Chương trình Tây Nguyên 3 đến năm 2020 cấp độ hạn tăng lên khoảng 0,3-0,7 so với thời kỳ 1980-1999. Biến đổi khí hậu, thay đổi thời tiết, mưa nắng thất thường làm ảnh hưởng đến sản xuất dược liệu, tăng dịch bệnh, khó khăn trong thu hoạch và sơ chế, chế biến cây dược liệu.

- Về yếu tố xã hội: Tỷ lệ người làm nông nghiệp đang giảm, do chuyển giao giữa các thế hệ. Thế hệ trẻ đang có xu hướng không thích làm nông, dẫn đến lực lượng lao động giảm đáng kể.

### **3.3.3. Các yếu tố thúc đẩy**

- Chính sách hỗ trợ của Nhà nước đầu tư vào nông nghiệp: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đa dạng hoá cây trồng trong hệ thống canh tác.

- Nâng cao vai trò của hệ thống viện, trường, trung tâm, đơn vị nghiên cứu, kinh doanh trong việc tạo ra các giống cây dược liệu mới có năng suất, chất lượng phù hợp với vùng Tây Nguyên.

- Nâng cao vai trò của hệ thống khuyến nông trong vùng và liên vùng, Trung tâm

Khuyến nông quốc gia, công ty phân bón, thu mua sản phẩm; đưa tiến bộ kỹ thuật đến người dân kịp thời và hiệu quả cao trong sản xuất.

- Đa dạng hóa các sản phẩm trong phát triển dược liệu.

- Thu hút vốn từ các tổ chức nước ngoài về thông qua kết hợp tác sản xuất và thu mua sản phẩm sẽ tạo động lực để doanh nghiệp trong nước và người nông dân có định hướng phát triển các sản phẩm là thế mạnh tại địa phương trong đó cây dược liệu là những sản phẩm tiềm năng.

- Phát triển sản phẩm hàng hóa theo chuỗi giá trị, quan tâm đến công nghiệp chế biến sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Mở rộng thị trường phát triển dược liệu trong nước và quốc tế, tạo động lực và niềm tin để người dân yên tâm sản xuất.

- Tăng cường hoạt động của doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm, cam kết đầu ra của sản phẩm. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp tại các vùng dược liệu.

### **3.4. Đề xuất các giải pháp phát triển dược liệu bền vững tại Tây Nguyên**

- Quy hoạch phát triển vùng dược liệu tại Tây Nguyên theo hướng bền vững

Việc qui hoạch dựa trên các căn cứ như: hiện trạng phát triển cây dược liệu tại Tây Nguyên; điều kiện tự nhiên của vùng; yêu cầu sinh thái, giá trị kinh tế của các loại cây dược liệu; chủ trương, đề án định hướng phát triển cây dược liệu của 5 tỉnh Tây Nguyên; danh mục dược liệu ưu tiên phát triển tại Tây Nguyên theo Quyết định 1976/TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các ý kiến chuyên gia.

Các căn cứ đều chỉ rõ, phát triển dược liệu tại Tây Nguyên là rất cần thiết, tuy nhiên cần có quy hoạch và định hướng phát triển rõ ràng. Chú trọng phát triển các loại cây dược liệu bản địa và các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao. Kết quả đánh giá cho thấy: Sâm Ngọc linh, đẳng sâm, ngũ vị tử và giáo cổ lam là các loại dược liệu có giá trị, cây bản địa của vùng Tây Nguyên đặc biệt là vùng Kon Tum và Liên

Khương - Lâm Đồng, hiện đang có nhu cầu cao nhưng các cây này chưa được trồng rộng rãi. Do đó, trong những năm tới nên ưu tiên mở rộng diện tích trồng cây bản địa như Sâm Ngọc linh, Đảng sâm và Ngũ vị tử với diện tích khoảng 1000 ha. Bên cạnh đó, nên phát triển các vùng trồng các loại cây dược liệu ôn đới và cây có giá trị kinh tế cao thành vùng hàng hoá: Đương quy (50 ha), Độc hoạt (30 ha), Vân mộc hương (30 ha), Ba kích (50 ha), Sa nhân tím (50 ha)...

Tăng diện tích trồng xen nghệ, gừng, địa liên dưới tán cây công nghiệp (5.000 ha). Chú trọng các loại cây mới như đinh lăng (100 ha), Sachi inchi (50 ha); Các dược liệu hiện có nhu cầu cao như trinh nữ hoàng cung (100 ha), hương nhu (50 ha), ý dĩ (50 ha), cỏ ngọt (50 ha),

sâm bố chính (50 ha), thiên môn đông (50 ha)... phát triển tại các vùng đất giữa của Tây Nguyên, nơi có điều kiện tự nhiên khá phù hợp với các loại dược liệu này.

- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật chọn lọc giống, nhân giống, kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch sơ chế biến cho mỗi loại dược liệu phù hợp với điều kiện Tây Nguyên. Cần xây dựng một trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống cây dược liệu cho khu vực Tây Nguyên.

- Tăng cường phát triển dược liệu theo chuỗi giá trị, tạo cơ chế chính sách phù hợp phát triển dược liệu, nâng cao vai trò của các doanh nghiệp, hợp tác xã trong đảm bảo đầu ra cho sản phẩm từ dược liệu.

**Bảng 4. Danh mục dự kiến các cây dược liệu chính trồng tại Tây Nguyên**

Vùng	Tiểu vùng khí hậu	Đặc điểm	Danh mục Cây dược liệu trồng chủ lực	Diện tích (ha)
I. (Vùng núi cao Bắc Tây Nguyên), cao nguyên Kon - Plông, cao nguyên Kon - Hà - Nùng và phần lớn diện tích cao nguyên Pleiku		Nhiệt đới núi cao (á nhiệt đới) đủ ẩm	Sâm Ngọc linh ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha & Grushv)	1.000
			Đảng sâm ( <i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f. & Thoms),	300
			Ngũ vị tử ( <i>Schisandra sphenanthera</i> Rehd et Wils)	300
			Đương quy nhật bản ( <i>Angelica acutiloba</i> Kitagawa)	50
			Độc hoạt ( <i>Angelica pubescens</i> Maxim)	30
			Vân mộc hương ( <i>Saussurea costus</i> (Falc.) Lipsch)	30
			Ba kích ( <i>Morinda officinalis</i> How)	50
			Sa nhân tím ( <i>Amomum longiligulare</i> T. L.Wu),	50
		Giảo cổ lam ( <i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino)	100	
II. (Vùng khí hậu giữa Tây nguyên), chiếm phần lớn diện tích Tây Nguyên. Bao gồm vùng trung lòng hồ Yaly, toàn bộ chuỗi liên tiếp cao nguyên Gia Lai - Đăk Lăk - Đăk Nông, phía tây cao nguyên Đà Lạt	2.1	Nhiệt đới, đủ ẩm, hạn ít	Xen nghệ ( <i>Curcuma longa</i> L.), gừng dưới tán cây công nghiệp	5.000
	2.2.	Nhiệt đới, thiếu ẩm, hạn nhiều	Chú trọng các loại cây mới như đinh lăng, sachi in chi	100
			Địa liên ( <i>Kampleria galang</i> (L.)	50
			Gác ( <i>Momordica cochinchinensis</i> (Lour.) Spreng)	
	2.3	Nhiệt đới, đủ ẩm, hạn vừa	Trinh nữ hoàng cung ( <i>Crinum latifolium</i> L.)	100
		Hương nhu ( <i>Ocimum gratissimum</i> L)		
2.4	Nhiệt đới, đủ ẩm (hạn vừa)	Ý dĩ ( <i>Coix lacryma-jobi</i> L.)	50	
		Sâm bố chính ( <i>Hibiscus sagittifolius</i> (Kurz. Merr.)	50	
2.5	Nhiệt đới, đủ ẩm, hạn ít	Cỏ ngọt ( <i>Stevia rebaudian</i> Bertoni)	50	
III. Vùng khí hậu phía đông nam Tây Nguyên		Nhiệt đới núi cao (á nhiệt đới), hạn ít	Sâm Ngọc linh ( <i>Panax vietnamensis</i> Ha & Grush)	50
			Đảng sâm ( <i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f. & Thoms)	100
			Ngũ vị tử ( <i>Schisandra sphenanthera</i> Rehd et Wils)	100
			Ba kích ( <i>Morinda officinalis</i> How)	50
			Đương quy Nhật Bản ( <i>Angelica acutiloba</i> Kitagawa)	50
			Giảo cổ lam ( <i>Gynostemma pentaphyllum</i> Thunb. Makino)	100



- Chú trọng công tác sơ chế biến, bảo quản và đa dạng hoá các loại sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao.

- Phát huy hiệu quả vai trò trong mối liên kết giữa các nhà, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu dược liệu thế mạnh của Tây Nguyên. Chú trọng công tác truyền thông, giới thiệu sản phẩm.

- Quan tâm xây dựng chỉ dẫn địa lý và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm của các loại dược liệu bản địa đặc hữu của Tây Nguyên như Sâm Ngọc linh, ngũ vị tử, đẳng sâm để khẳng định giá trị và thương hiệu của các sản phẩm Việt Nam, mở rộng sản phẩm này ra thị trường trong nước và quốc tế.

#### 4. KẾT LUẬN

Tây Nguyên có tiềm năng về khí hậu, đất đai, nguồn nhân lực để phát triển dược liệu. Tuy nhiên, để phát triển dược liệu bền vững cần có những nghiên cứu về giống, qui hoạch vùng trồng, kỹ thuật canh tác phù hợp, qui trình sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm hàng hóa; có chính sách khuyến khích nông dân, doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị dược liệu.

Phát triển các cây dược liệu đặc hữu bản địa của Tây Nguyên như Sâm Ngọc linh, đẳng sâm, ngũ vị tử và giảo cổ lam. Bên cạnh đó, nên phát triển các vùng trồng các loại cây dược liệu ôn đới và các cây trồng có giá trị kinh tế cao như actiso, đương quy, độc hoạt, vân mộc hương, ba kích, sa nhân tím... Đồng thời mở rộng diện tích các cây thích ứng với trồng xen như nghệ, gừng, địa liền. Ở vùng đất giữa Tây Nguyên nên phát triển các cây có giá trị hàng hóa như trinh nữ hoàng cung, hương nhu, ý dĩ, cỏ ngọt, sâm bố chính, thiên môn đông. Quan tâm thử nghiệm tới các cây dược liệu mới như đinh lăng, Sachi inchi...

#### LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của lãnh đạo và cán bộ thuộc Sở Nông nghiệp, Trung tâm Khuyến nông, các huyện, xã và bà con 5 tỉnh Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng), Lãnh đạo và cán bộ Viện Eakmat Tây Nguyên đã giúp

đỡ, cung cấp số liệu để nhóm tác giả hoàn thành bài báo này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ y tế (2015). QĐ 206/QĐ-BYT ngày 22 tháng 1 năm 2015. Về việc ban hành danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển giai đoạn 2015-2020.
- Hoàng Đức Hùng (2014). Nghiên cứu phân vùng khí hậu khu vực Tây Nguyên. Luận văn Thạc sỹ khoa học. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Văn Tân (2013). Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển cây dược liệu bản địa có giá trị cao tại vùng đông nam tỉnh Gia Lai. Báo cáo tổng kết đề tài cấp tỉnh Gia lai từ 2010-2012.
- Quyết định 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Quyết định 787/QĐ-TTg ngày 5/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh mục sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.
- Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Nông (2018). Báo cáo thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2018.
- Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Lắk (2018). Báo cáo thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2018.
- Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum (2017). Đề án Đầu tư phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon tum giai đoạn 2017-2020 định hướng đến 2030.
- Sở Nông nghiệp và PTNT Kon Tum (2018). Báo cáo thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2018
- Sở Nông nghiệp và PTNT Gia Lai (2018). Báo cáo thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2018.
- Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng (2018). Báo cáo thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016-2018.
- Trần Trọng Hòa, Nghiêm Xuân Minh, Nguyễn Đình Kỳ (2014). Chương trình Tây Nguyên 3: Những kết quả nghiên cứu chính trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Tạp chí Khoa học - Công nghệ Việt Nam. 20: 11-14.
- Viện Dược liệu (2017). Danh lục cây thuốc Việt Nam. Nhà Xuất bản Khoa học Việt Nam.
- Viện Dược liệu (2019). Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài "Khai thác và phát triển nguồn gen ngũ vị tử (*Schisandra sphenanthera* Rehd. Et Wils) tại Ngọc Linh tạo nguyên liệu làm thuốc. Chương trình Quỹ gen. Bộ Khoa Học và Công nghệ.